

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1**Môn: Toán - Lớp 5****Bộ sách: Cánh diều****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****A. NỘI DUNG ÔN TẬP****1. Số và phép tính**

- Phân số thập phân, hỗn số
- Đọc, viết, so sánh, làm tròn số thập phân
- Phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia số thập phân
- Nhân số thập phân với 10, 100, 1000, Chia số thập phân với 10, 100, 1000,
- Tỉ số phần trăm
- Tìm tỉ số phần trăm của hai số
- Tìm giá trị phần trăm của một số cho trước

2. Đo lường

- Ki-lô-mét vuông. Héc-ta
- Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân
- Các đơn vị đo diện tích. Đại lượng
- Tỉ lệ bản đồ

3. Bài toán có lời văn

- Tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó
- Bài toán liên quan đến quan hệ phụ thuộc

B. BÀI TẬP**I. TRẮC NGHIỆM****Câu 1.** Số thập phân có mười bảy đơn vị, năm phần trăm, ba phần nghìn được viết là:

- A. 17,53 B. 17,053 C. 17,530 D. 170,53

Câu 2. Chữ số 9 trong số thập phân 26,958 có giá trị là:

- A. $\frac{9}{1000}$ B. $\frac{9}{100}$ C. $\frac{9}{10}$ D. $\frac{9}{10000}$

Câu 3. Chữ số 7 trong số thập phân 123,547 có giá trị là:

- A. $\frac{7}{10}$ B. $\frac{7}{100}$ C. $\frac{7}{1000}$ D. $\frac{7}{10000}$

Câu 4. Hỗn số $2\frac{17}{1000}$ chuyển thành số thập phân là:

- A. 2,017 B. 2,17 C. 2,170 D. 2,017

Câu 5. Số lớn nhất trong các số 5,798 ; 5,897 ; 5,978 ; 5,879 là:

- A. 5,798 B. 5,897 C. 5,978 D. 5,879

Câu 6. Làm tròn số 37,456 đến hàng phần trăm ta được:

- A. 37,45 B. 37,46 C. 37,40 D. 37,50

Câu 7. Tìm chữ số y, biết $5,789 < 5,7y9$

- A. $y = 6$ B. $y = 7$ C. $y = 8$ D. $y = 9$

Câu 8. Phép nhân nhẩm $28,964 \times 100$ có kết quả là:

- A. 289,64 B. 2896,4 C. 2,8964 D. 0,28964

Câu 9. Phép nhân nhẩm $34,245 : 0,01$ có kết quả là:

- A. 3,4245 B. 342,45 C. 3424,5 D. 0,34245

Câu 10. Kết quả của phép tính $876,543 \times 0,001$ là:

- A. 876 543 B. 87654,3 C. 0,876543 D. 87,6543

Câu 11. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của $6 \text{ cm}^2 8 \text{ mm}^2 = \dots\dots \text{ cm}^2$

- A. 68 B. 6,8 C. 6,08 D. 6,008

Câu 12. $2,7 \text{ km}^2 = \dots\dots \text{ ha}$. Số điền vào chỗ chấm là:

- A. 27 B. 270 C. 2700 D. 27000

Câu 13. $1654 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ ha}$

- A. 1654 B. 16,54 C. 0,1654 D. 1,654

Câu 14. $5,07 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ m}^2$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 50700 B. 50070 C. 57000 D. 50007

Câu 15. $3 \text{ ha } 45 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

- A. 345 m^2 B. 30045 m^2 C. 3045 m^2 D. 3450 m^2

Câu 16. Phép tính $78,542 - 42,632$ có kết quả là:

- A. 35,92 B. 35,91 C. 3,591 D. 359,1

Câu 17. Giá trị của biểu thức $13,57 \times 5,5 + 13,57 \times 3,5 + 13,57$ là:

- A. 1,357 B. 13,57 C. 135,7 D. 1357

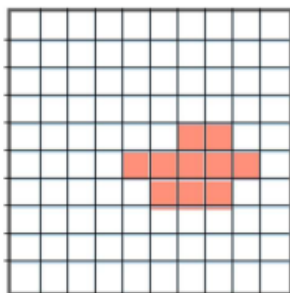
Câu 18. Hương mua 5 cái bút hết 35 000 đồng. Vậy nếu Hương mua 15 cái bút chì thì phải trả số tiền là:

- A. 105 000 đồng B. 150 000 đồng
C. 70 000 đồng D. 90 000 đồng

Câu 19. Cô Tú chia đều 10,8 kg đường vào các hộp thủy tinh. Biết cứ 3 hộp thủy tinh thì đựng được 3,6 kg đường. Vậy cô Tú cần số hộp thủy tinh để chia hết số đường đó là:

- A. 3 hộp B. 6 hộp C. 9 hộp D. 12 hộp

Câu 20. Phần tô màu chiếm bao nhiêu phần trăm của cả hình ?



- A. 100% B. 10% C. 1% D. 0,1%

Câu 21. Trên một tấm bản đồ, khoảng cách giữa hai điểm A và B là 15cm. Khoảng cách này trên thực tế là 300km. Hỏi bản đồ này được vẽ theo tỉ lệ nào?

- A. 1 : 20 000 B. 1 : 200 000 C. 1 : 20 000 000 D. 1 : 2 000 000

Câu 22. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000 000, quãng đường từ Hà Nội đến Hưng Yên dài 6,4 cm. Độ dài thật của quãng đường đó dài là:

- A. 640 m B. 64 000m C. 640 km D. 64 km

Câu 23. Tỉ số phần trăm của 10 và 25 là:

- A. 2,5% B. 25% C. 40% D. 4%

Câu 24. 15% của 25 tấn là:

- A. 375 tấn B. 37,5 tấn C. 3,75 tấn D. 3750 tấn

Câu 25. Một cửa hàng bỏ ra 15 000 000 đồng tiền vốn để kinh doanh. Biết cửa hàng đó đã thu được tiền lãi bằng 20% tiền vốn. Vậy số tiền lãi là:

- A. 300 000 đồng B. 3 000 000 đồng
C. 5 000 000 đồng D. 7 000 000 đồng

Câu 26. Theo thống kê năm 2008, số dân ở huyện A cứ 1000 người thì tăng thêm 12 người. Mức tăng dân số của huyện A trong năm đó là:

- A. 12% B. 1,2% C. 0,12% D. 0,012%

Câu 27. Lớp học có 30 học sinh, trong đó có 12 nữ. Hỏi số học sinh nam chiếm bao nhiêu phần trăm của lớp học đó.

- A. 40% B. 38% C. 62% D. 60%

Câu 28. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng 20m và kém chiều dài 5m. Trên mảnh đất đó người ta dành 85% diện tích để làm vườn, còn lại đào ao. Diện tích đất dùng để đào ao là:

- A. 150m² B. 75m² C. 85m² D. 500m²

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Tính.

a) $\frac{3}{5} + \frac{2}{7}$

b) $\frac{9}{4} - \frac{2}{5}$

c) $\frac{2}{3} + \frac{2}{5}$

d) $3\frac{3}{4} - \frac{5}{9}$

Câu 2. Đặt tính rồi tính:

a) $658,3 + 96,28$

b) $93,813 - 46,47$

c) $37,14 \times 82$

d) $308 : 5,5$

Câu 3. Tính giá trị biểu thức (tính bằng cách thuận tiện nếu có thể)

a) $619,52 - 0,52 \times (9 + 11)$

b) $8,65 + 7,6 + 1,35 + 0,4$

c) $1,25 \times 2,5 \times 36 \times 0,4 \times 80$

d) $14,4 \times 0,6 + 15 \times 0,6 + 18,6 \times 0,6$

Câu 4. Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

$1,2 \text{ km}^2 = \dots\dots\dots \text{ ha}$

$3,5 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

$126 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

$2 \text{ tạ} = \dots\dots\dots \text{ tấn}$

$1,25 \text{ tấn} = \dots\dots\dots \text{ kg}$

$2 \text{ 750 g} = \dots\dots\dots \text{ kg}$

$3,7 \text{ km} = \dots\dots\dots \text{ m}$

$638 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{ km}$

$25 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ m}$

$230 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

$3 \text{ 1 219 ml} = \dots\dots\dots \text{ lít}$

$4798 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ ha}$

Câu 5. Người ta trồng lúa trên một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 300m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài 50m.

a) Tính diện tích thửa ruộng đó?

b) Trung bình cứ 10m² thu hoạch được 50kg thóc. Hỏi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?**Câu 6.** Năm nay tổng số tuổi của hai ông cháu là 66 tuổi. Biết rằng sau 3 năm nữa thì tuổi cháu bằng $\frac{2}{7}$ tuổi ông. Hỏi năm nay ông bao nhiêu tuổi, cháu bao nhiêu tuổi?**Câu 7.** Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng kém chiều dài 16 m, chiều dài bằng $\frac{5}{3}$ chiều rộng.Người ta đã sử dụng $\frac{1}{12}$ diện tích mảnh đất để làm nhà.

a) Tính diện tích mảnh đất đó?

b) Tính diện tích phần đất làm nhà?

Câu 8. Một tấm vải sau khi giặt xong bị co mất 2% so với chiều dài ban đầu. Trước khi giặt, tấm vải dài 24,5 m. Hỏi sau khi giặt tấm vải dài bao nhiêu mét?**Câu 9.** Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 70m, chiều dài gấp 4 lần chiều rộng. Người ta dành ra 15% để trồng cây cảnh và phần còn lại dùng để làm nhà. Tính diện tích đất để làm nhà?**Câu 10.** Trên bản đồ tỉ lệ 1:400, một mảnh đất hình vuông có cạnh dài 3 cm.

a) Tính diện tích thực tế của mảnh đất đó.

b) Người ta trồng cỏ trên mảnh đất đó, trung bình cứ 2 m² trồng hết 1 kg cỏ. Hỏi cần bao nhiêu ki-lô-gam cỏ để trồng hết mảnh đất?

C. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**1. Trắc nghiệm**

1. B	2. C	3. C	4. D	5. C	6. B	7. D	8. B	9. C	10. C
11. C	12. B	13. C	14. A	15. B	16. B	17. C	18. A	19. C	20. B
21. D	22. B	23. C	24. C	25. B	26. B	27. D	28. B		

2. Tự luận**Câu 1.** Tính.

a) $\frac{3}{5} + \frac{2}{7}$

b) $\frac{9}{4} - \frac{2}{5}$

c) $\frac{2}{3} + \frac{2}{5}$

d) $3\frac{3}{4} - \frac{5}{9}$

Phương pháp

Muốn cộng (hoặc trừ) các phân số khác mẫu số ta quy đồng mẫu số rồi cộng (hoặc trừ) các phân số sau khi quy đồng.

Lời giải

a) $\frac{3}{5} + \frac{2}{7} = \frac{21}{35} + \frac{10}{35} = \frac{31}{35}$

b) $\frac{9}{4} - \frac{2}{5} = \frac{45}{20} - \frac{8}{20} = \frac{37}{20}$

c) $\frac{2}{3} + \frac{2}{5} = \frac{10}{15} + \frac{6}{15} = \frac{16}{15}$

d) $3\frac{3}{4} - \frac{5}{9} = \frac{15}{4} - \frac{5}{9} = \frac{135}{36} - \frac{20}{36} = \frac{115}{36}$

Câu 2. Đặt tính rồi tính:

a) $658,3 + 96,28$

b) $93,813 - 46,47$

c) $37,14 \times 82$

d) $308 : 5,5$

Phương pháp

Đặt tính rồi tính theo các quy tắc đã học

Lời giải

$$\begin{array}{r} \text{a) } 658,3 \\ + 96,28 \\ \hline 754,58 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{b) } 93,813 \\ - 46,47 \\ \hline 47,343 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{c) } 37,14 \\ \times 82 \\ \hline 74,28 \\ 2971,2 \\ \hline 3045,48 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{d) } 3080 \overline{) 5,5} \\ \underline{330} \\ 00 \end{array}$$

Câu 3. Tính giá trị biểu thức (tính bằng cách thuận tiện nếu có thể)

a) $619,52 - 0,52 \times (9 + 11)$

b) $8,65 + 7,6 + 1,35 + 0,4$

c) $1,25 \times 2,5 \times 36 \times 0,4 \times 80$

d) $14,4 \times 0,6 + 15 \times 0,6 + 18,6 \times 0,6$

Phương pháp

a) Thực hiện tính tổng ngoặc trước

b) Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng để nhóm các số có tổng là số tự nhiên

c) Áp dụng tính chất giao hoán của phép nhân

Lời giải

$$a) 619,52 - 0,52 \times (9 + 11)$$

$$= 619,52 - 0,52 \times 20$$

$$= 619,52 - 10,4$$

$$= 609,12$$

$$c) 1,25 \times 2,5 \times 36 \times 0,4 \times 80$$

$$= (1,25 \times 80) \times (2,5 \times 0,4) \times 36$$

$$= 100 \times 1 \times 36$$

$$= 3600$$

$$b) 8,65 + 7,6 + 1,35 + 0,4$$

$$= (8,65 + 1,35) + (7,6 + 0,4)$$

$$= 10 + 8$$

$$= 18$$

$$d) 14,4 \times 0,6 + 15 \times 0,6 + 18,6 \times 0,6$$

$$= (14,4 + 15 + 18,6) \times 0,6$$

$$= 48 \times 0,6$$

$$= 28,8$$

Câu 4. Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

$$1,2 \text{ km}^2 = \dots\dots \text{ ha}$$

$$3,5 \text{ ha} = \dots\dots \text{ m}^2$$

$$126 \text{ cm}^2 = \dots\dots \text{ m}^2$$

$$2 \text{ tạ} = \dots\dots \text{ tấn}$$

$$1,25 \text{ tấn} = \dots\dots \text{ kg}$$

$$2 \text{ 750 g} = \dots\dots \text{ kg}$$

$$3,7 \text{ km} = \dots\dots \text{ m}$$

$$638 \text{ m} = \dots\dots \text{ km}$$

$$25 \text{ cm} = \dots\dots \text{ m}$$

$$230 \text{ dm}^2 = \dots\dots \text{ m}^2$$

$$3 \text{ l } 219 \text{ ml} = \dots\dots \text{ lít}$$

$$4798 \text{ m}^2 = \dots\dots \text{ ha}$$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi:

$$1 \text{ km}^2 = 100 \text{ ha} ; 1 \text{ ha} = 10 \text{ 000 m}^2$$

$$1 \text{ tạ} = 0,1 \text{ tấn} ; 1 \text{ tấn} = 1 \text{ 000 kg}$$

$$1 \text{ km} = 1 \text{ 000 m} ; 1 \text{ m} = 100 \text{ cm}$$

Lời giải

$$1,2 \text{ km}^2 = \mathbf{120} \text{ ha}$$

$$3,5 \text{ ha} = \mathbf{35 \text{ 000}} \text{ m}^2$$

$$126 \text{ cm}^2 = \mathbf{0,0126} \text{ m}^2$$

$$2 \text{ tạ} = \mathbf{0,2} \text{ tấn}$$

$$1,25 \text{ tấn} = \mathbf{1 \text{ 250}} \text{ kg}$$

$$2 \text{ 750 g} = \mathbf{2,75} \text{ kg}$$

$$3,7 \text{ km} = \mathbf{3 \text{ 700}} \text{ m}$$

$$638 \text{ m} = \mathbf{0,638} \text{ km}$$

$$25 \text{ cm} = \mathbf{0,25} \text{ m}$$

$$230 \text{ dm}^2 = \mathbf{2,3} \text{ m}^2$$

$$3 \text{ l } 219 \text{ ml} = \mathbf{3,219} \text{ lít}$$

$$4798 \text{ m}^2 = \mathbf{0,4798} \text{ ha}$$

Câu 5. Người ta trồng lúa trên một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 300m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài 50m.

a) Tính diện tích thửa ruộng đó?

b) Biết rằng trung bình cứ 10 m^2 thu hoạch được 50kg thóc. Hỏi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

Phương pháp

a) - Tìm nửa chu vi thửa đất

- Tìm chiều dài và chiều rộng theo bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó
- Diện tích thửa ruộng = chiều dài x chiều rộng

b) Số kg thóc thu hoạch được = Diện tích thửa ruộng : 10×50

Lời giải

a) Nửa chu vi thửa ruộng đó là:

$$300 : 2 = 150 \text{ (m)}$$

Chiều dài thửa ruộng đó là:

$$(150 + 50) : 2 = 100 \text{ (m)}$$

Chiều rộng thửa ruộng đó là:

$$100 - 50 = 50 \text{ (m)}$$

Diện tích thửa ruộng đó là:

$$100 \times 50 = 5000 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Thửa ruộng thu hoạch được là:

$$5000 : 10 \times 50 = 25000 \text{ (kg)} = 250 \text{ tạ}$$

Đáp số: a) 5000 m^2

b) 25000 kg

Câu 6. Năm nay tổng số tuổi của hai ông cháu là 66 tuổi. Biết rằng sau 3 năm nữa thì tuổi cháu bằng $\frac{2}{7}$ tuổi ông. Hỏi năm nay ông bao nhiêu tuổi, cháu bao nhiêu tuổi?

Phương pháp

- Tìm tuổi của hai ông cháu sau 3 năm nữa
- Tìm tuổi ông và tuổi cháu sau 3 năm nữa theo bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số
- Tìm tuổi mỗi người hiện nay

Lời giải

Sau 3 năm nữa thì tổng số tuổi của hai ông cháu là:

$$66 + 3 + 3 = 72 \text{ (tuổi)}$$

Tổng số phần bằng nhau là:

$$7 + 2 = 9 \text{ (phần)}$$

Số tuổi của ông ba năm nữa là:

$$72 : 9 \times 7 = 56 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của ông năm nay là:

$$56 - 3 = 53 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của cháu năm nay là:

$$66 - 53 = 13 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: ông: 53 tuổi; cháu: 13 tuổi

Câu 7. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng kém chiều dài 16 m, chiều dài bằng $\frac{5}{3}$ chiều rộng.

Người ta đã sử dụng $\frac{1}{12}$ diện tích mảnh đất để làm nhà.

- Tính diện tích mảnh đất đó?
- Tính diện tích phần đất làm nhà?

Phương pháp

a) Tìm chiều rộng và chiều dài theo bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó

Diện tích = chiều dài x chiều rộng

b) Diện tích phần đất làm nhà = diện tích mảnh đất x $\frac{1}{12}$

Lời giải

Coi chiều dài là 5 phần thì chiều rộng là 3 phần như thế.

Hiệu số phần bằng nhau là:

$$5 - 3 = 2 \text{ (phần)}$$

Chiều dài mảnh đất hình chữ nhật là:

$$16 : 2 \times 5 = 40 \text{ (m)}$$

Chiều rộng mảnh đất hình chữ nhật là:

$$40 - 16 = 24 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh đất là:

$$40 \times 24 = 960 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích phần đất làm nhà là:

$$960 \times \frac{1}{12} = 80 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: a) 960 m²

b) 80 m².

Câu 8. Một tấm vải sau khi giặt xong bị co mất 2% so với chiều dài ban đầu. Trước khi giặt, tấm vải dài 24,5 m. Hỏi sau khi giặt tấm vải dài bao nhiêu mét?

Phương pháp

- Tìm số mét vải bị co lại
- Tìm chiều dài tấm vải sau khi giặt = Chiều dài tấm vải ban đầu - số mét vải bị co lại

Lời giải

Sau khi giặt, tấm vải bị co lại số mét là:

$$24,5 : 100 \times 2 = 0,49 \text{ (m)}$$

Sau khi giặt, tấm vải dài số mét là:

$$24,5 - 0,49 = 24,01 \text{ (m)}$$

Đáp số: 24,01 mét

Câu 9. Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 70m, chiều dài gấp 4 lần chiều rộng. Người ta dành ra 15% để trồng cây cảnh và phần còn lại dùng để làm nhà. Tính diện tích đất để làm nhà?

Phương pháp

- Tìm nửa chu vi
- Tìm chiều dài và chiều rộng theo bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số
- Tìm diện tích mảnh đất
- Tính diện tích đất để làm nhà

Lời giải

Nửa chu vi hình chữ nhật là: $70 : 2 = 35 \text{ (m)}$

Chiều dài gấp 4 lần chiều rộng nên nếu ta coi chiều rộng là một phần thì chiều dài là 4 phần.

Tổng số phần bằng nhau là: $1 + 4 = 5 \text{ (phần)}$

Chiều rộng của mảnh đất hình chữ nhật là: $35 : 5 \times 1 = 7 \text{ (m)}$

Chiều dài của mảnh đất hình chữ nhật là: $35 - 7 = 28 \text{ (m)}$

Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là: $7 \times 28 = 196 \text{ (m}^2\text{)}$

Diện tích phần đất để làm nhà là:

$$196 \times (100\% - 15\%) = 196 \times 85 : 100 = 166,6 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 166,6 m²

Câu 10. Trên bản đồ tỉ lệ 1:400, một mảnh đất hình vuông có cạnh dài 3 cm.

a) Tính diện tích thực tế của mảnh đất đó.

b) Người ta trồng cỏ trên mảnh đất đó, trung bình cứ 2 m² trồng hết 1 kg cỏ. Hỏi cần bao nhiêu ki-lô-gam cỏ để trồng hết mảnh đất?

Phương pháp

- Tìm độ dài cạnh thực tế của mảnh đất
- Tìm diện tích mảnh đất = cạnh x cạnh
- Tìm số kg cỏ để trồng hết mảnh đất

Lời giải

Độ dài cạnh thực tế của mảnh đất hình vuông là:

$$3 \times 400 = 1200 \text{ (cm)} = 12 \text{ m}$$

a) Diện tích thực tế của mảnh đất đó là: $12 \times 12 = 144 \text{ (m}^2\text{)}$

b) Cần số ki – lô – gam cỡ để trồng hết mảnh đất là:

$$144 : 2 = 72 \text{ (kg)}$$

Đáp số: a) 144 m

b) 72 kg